

**KẾT QUẢ THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**  
**Năm học 2009 - 2010**  
**<< TOÀN TRƯỜNG >>**

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước			Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước			Quốc tế
1	Trần Hữu Viên	PGS,GVC,KG																				
2	Nguyễn Văn Tuấn	PGS,GVC,KG	3																			
3	Phạm Xuân Hoàn	PGS,GVC,KG																				
4	Trần Văn Chứ	PGS,GVC,KG	3																			
5	Cao Quốc An	GV																				
6	Ngô Minh Điệp	GV	1																			
7	Võ Thành Minh	GVC	3	1																		
8	Phạm Thị Anh Hồng	GV		1																		
9	Lê Xuân Phương	GV	3	1																		
10	Nguyễn Văn Thuận	GV	4	1																		
11	Trịnh Hiền Mai	GV	1	1	1																	
12	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	GV	1	1																		
13	Tạ Thị Phương Hoa	GV	1	1																		
14	Vũ Huy Đại	GV	4																			
15	Hoàng Sơn	GV		1																		
16	Trần Công Chi	GV		1																		
17	Hoàng Tiên Đương	GVC	1	1																		
18	Hoàng Việt	GVC		1																		
19	Vũ Khắc Bảy	GVC																				
20	Nguyễn Thị Thu	GV																				
21	Lê Văn Ngọc	GV		1																		
22	Phạm Quang Khoái	GV		1																		
23	Phan Thị Thiên Thu	KSHDTH		1																		
24	Trần Lâm Trà	KSHDTH																				
25	Nguyễn Tất Thắng	KS		1																		
26	Phạm Văn Mân	KSHDTH																				
27	Nguyễn Thế Nghiệp	KSHDTH																				
28	Lê Thị Kiêm	GVC																				
29	Đinh Thị Thu Hà	GV		2																		
30	Nguyễn Thị Lục	GV		1																		
31	Dương Văn Tài	GVC																				
32	Nguyễn Văn Tựu	GV		1																		
33	Đinh Bá Bách	GV		1																		
34	Phạm Văn Lý	GVC																				
35	Lê Văn Thái	GVC	3																			
36	Trần Văn Tùng	GV		1																		
37	Đặng Thị Hà	GV		1																		
38	Phạm Quang Thiên	GVC																				
39	Trần Kim Khôi	GV	2																			
40	Trần Kim Khuê	GV	2	2																		
41	Trần Nho Thọ	KSHDTH		1																		
42	Hoàng Hà	KS		1																		
43	Nguyễn Văn Quân	KS		1																		
44	Vũ Thị Hiền	KSHDTH		1																		
45	Bùi Thị Toàn Thư	GV		2																		
46	Dương Xuân Núi	GV		2																		
47	Lưu Bích Linh	GV		2																		
48	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	GV		2																		
49	Nguyễn Văn Hoà	GVC		2																		
50	Nguyễn Xuân Linh	GV		2																		

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
51	Phùng Văn Khoa	GV,KG	3					1					1						1		200	
52	Nguyễn Văn Thiết	PGS,GVC,KG	1					2													230	
53	Đặng Thị Hoa	GV		1									1								60	Đi học không TT
54	Nguyễn Văn Hợp	GV	1	1									1								90	
55	Chu Thị Thu	GV	3																		90	Th.sản-Con nhỏ<24t, Đi học không TT
56	Võ Mai Anh	GV	1	1																	70	
57	Hoàng Thị Dung	GV		1																	40	Đi học không TT
58	Mai Quyên	GV		1															1		60	Th.sản-Con nhỏ<24t
59	Ngô Thị Thủy	GV		1																	40	
60	Nguyễn Thị Tiên	GV		1																	40	Đi học không TT
61	Trần Quang Thăng	GV		1																	40	Đi học không TT
62	Trần Thị Tuyết	GV		1															1		60	
63	Vũ Ngọc Chuẩn	GV		1																	40	Đi học không TT
64	Hồ Thị Xuân Hồng	GV		1																	40	Đi học không TT
65	Nguyễn Thị Lan	GV		1																	40	
66	Nguyễn Thị Thảo	GV		1																	40	
67	Phạm Công Ngọc	GV		1																	40	Đi học không TT
68	Phạm Thị Minh Thương	GV		1																	40	
69	Trần Đình Cát	GV		1																	40	
70	Chu Thị Bình	GV						1													70	
71	Vũ Xuân Định	GV	2	1						1											115	
72	Lê Hùng Chiên	GV								1											15	Đi học không TT
73	Nguyễn Thị Hải Ninh	GV	1																		30	
74	Phạm Thanh Quê	GV	1																		30	
75	Nguyễn Bá Long	GV		1																	40	
76	Phạm Thanh Quê	GV		1																	40	
77	Trần Hữu Đào	GVC	1	1				1											1		190	
78	Bùi Thị Minh Nguyệt	GV	1	1			1		1												180	
79	Vũ Văn Thịnh	GV		1			1			1											70	
80	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV								1											15	
81	Phạm Thị Huệ	GV		1			1			1											70	Đi học không TT
82	Trần Thanh Liêm	GV		1			1			1											70	
83	Bùi Thị Sen	GV	1	1																	70	
84	Đặng Thu Hằng	GV		1																	40	
85	Đào Lan Phương	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
86	Hoàng Vũ Hải	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
87	Lê Thị Ngọc Phương	GV		1																	40	
88	Nguyễn Thị Bích Diệp	GV		1																	40	
89	Trần Ngọc Bình	GVC		1																	40	
90	Nam Nhật Minh	GVC						1													100	
91	Phùng Nam Thăng	GV								1											15	
92	Lê Thị Tuyết Hạnh	KSHDTH		1																	40	
93	Ví Văn Viện	GV											1								20	
94	Nguyễn Hoàng Hương	GV	1																		30	
95	Vũ Nhâm	PGS,GVC									1										100	
96	Vũ Tiên Hinh	GS,GVCC						1			1										260	
97	Vũ Thê Hồng	GV								1			2								55	
98	Nguyễn Trọng Bình	GVC	1								1		2								170	
99	Đào Thị Hoa Hồng	GV											1						2		60	
100	Ví Việt Đức	GV											1								20	
101	Phạm Thê Anh	GV	1							1			1								65	Đi học không TT
102	Lê Tuấn Anh	GV	1							1			1								65	Đi học không TT
103	Nguyễn Duy Thịnh	GV								2			1								50	
104	Cao Thị Thu Hiền	GV		1						1									1		75	
105	Hồ Văn Giảng	GVC						1			1		1						1		240	
106	Vũ Thị Huệ	KSHDTH	2				1												1		180	
107	Bùi Văn Thăng	GV	1					1		1			2								155	
108	Vũ Kim Dung	GV								1			1								35	Th.sản-Con nhỏ<24t

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
109	Nguyễn Như Ngọc	GV											1								20	Đi học không TT
110	Hà Bích Hồng	GV								1			1								35	Th.sản-Con nhỏ<24t
111	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	4			1				3		1									285	
112	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSHDTH	1			1				3			1								145	
113	Khuất Thị Hải Ninh	GV	1	1									1								90	
114	Hồ Hải Ninh	GV		1			1						1								75	
115	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV								1											15	Đi học không TT
116	Nguyễn Trọng Trí	GV	1				1														45	
117	Nguyễn Quỳnh Trang	GV		1																	40	
118	Kiều Văn Thịnh	GV										1									50	
119	Vũ Đại Dương	GV									1								1		90	
120	Lê Xuân Trường	GV	1									1									80	
121	Đỗ Anh Tuấn	GV	3							1	1		3								235	
122	Trần Thị Yên	GV											1								20	Đi học không TT
123	Phạm Thị Huyền	GVC	5						1	1											205	
124	Phạm Thị Hạnh	GV	1																		30	
125	Trần Thị Mai Sen	GV	1																		30	
126	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV		1																	40	
127	Phạm Thị Hạnh	GV		1																	40	
128	Vũ Thị Hường	GV		1																	40	
129	Nguyễn Đình Hải	GV	2					1		1											145	
130	Trần Bình Đà	GV	3	1									2						3		230	
131	Phạm Quang Vinh	GV			1								1								70	Đi học không TT
132	Bùi Thị Cúc	GV	4	1																	160	
133	Cần Văn Thắm	GV	2																		60	
134	Kiều Trí Đức	GV	4	1																	160	
135	Phạm Thanh Tú	GV	1	1																	70	
136	Trịnh Hải Vân	GV	3	1																	130	
137	Đông Thị Thanh	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
138	Hoàng Thị Minh Huệ	GV		1																	40	Đi học không TT
139	Phùng Văn Phê	GV						2		1									2		195	
140	Nguyễn Thị Thơ	GV		1			1			2											85	Th.sản-Con nhỏ<24t
141	Bùi Thị Mai Hương	GV		1					1										1		100	
142	Nguyễn Thị Khánh	GVC		2						1											95	
143	Phạm Quang Chung	GV		1															1		60	
144	Vũ Tiên Hưng	KSHDTH	1							1		1	1								115	
145	Đỗ Thị Quê Lâm	KSHDTH					1			1											30	
146	Lê Thị Khiếu	KSHDTH							1												40	Th.sản-Con nhỏ<24t
147	Nguyễn Văn Thanh	KSHDTH					1														50	
148	Lê Đức Huỳnh	GVDQP		2																	80	
149	Nguyễn Quang San	GVDTC		1																	40	
150	Nguyễn Quốc Hà	GVDQP		2																	80	
151	Nguyễn Thu Trang	GVDTC		1																	40	
152	Nguyễn Văn Cương	GVDTC		2																	80	
153	Nguyễn Văn Hà	GVDQP		2																	80	
154	Phạm Phi Diệp	GVDTC		2																	80	
155	Phạm Thị Mỹ Hạnh	GVDTC		2																	80	
156	Trần Nho Cương	GVDTC		2																	80	
157	Đặng Thị Thu Hiền	GV		1																	40	Đi học không TT
158	Doãn Văn Hạnh	GVC		2																	80	
159	Nguyễn Thị Hoài	GV		1																	40	Đi học không TT
160	Nguyễn Văn Thắng	GV		2																	80	Đi học không TT
161	Phạm Xuân Hoàng	GV		2																	80	
162	Nguyễn Văn Khương	GV																	2		40	Đi học không TT
163	Bùi Thị Minh Thơm	GV		2																	80	
164	Đỗ Thị Diệu	GV		2																	80	
165	Hoàng Trường Giang	GV		1																	40	Đi học không TT
166	Vũ Thị Hồng Khanh	GV		2																	80	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
167	Nguyễn Sỹ Hà	GV,KG		1																	40	
168	Phạm Văn Điền	GVC,KG	2							1	1		1						1		215	
169	Trần Việt Hồng	GVC,KG											1								20	
170	Nguyễn Hữu Cường	GV,KG		1																	40	
171	Bùi Thế Đồi	GV,KG										1									50	
172	Nguyễn Thanh Tân	KS						1													50	
173	Nguyễn Văn An	GVC,KG					1														100	
174	Phạm Văn Chương	PGS,GVC,KG	6							1	1		1								315	
175	Đỗ Thị Ngọc Bích	GVC,KG		1						2											70	
176	Hoàng Ngọc Y	GV,KG								1		1									65	
177	Nguyễn Minh Hùng	KS					1	1				1									150	
178	Nguyễn Văn Quân	GVC,KG									1						1				200	
179	Nguyễn Minh Ngọc	KS					1						1								70	
180	Nguyễn Quang Hà	GVC,KG								1			1						1		55	
181	Nguyễn Thế Nhã	PGS,GVC	6				1	1					1				1	1			350	
182	Đỗ Thị Kha	GVC	1				1		1									1			185	
183	Trần Tuấn Kha	GV			1		1			1								1			95	
184	Đỗ Quang Huy	GVC	1					1		1											145	
185	Nguyễn Đắc Mạnh	GV	1							2								1			75	
186	Lưu Quang Vinh	GV	4							3								1		1	220	
187	Đông Thanh Hải	GV								1										1	55	
188	Đình Quốc Cường	GVC	4	2			1											1			315	
189	Vũ Huy Định	GV	2	1					1									1			130	
190	Lê Thị Thu Hương	GV		2					1									1			110	
191	Nguyễn Kim Cai	GV		2																	80	
192	Trần Thị Thanh Thủy	GV																2			30	
193	Trần Thị Hương	GV	3							1			1					1			140	
194	Ngô Duy Bách	GV	6		1		1			1								1			275	
195	Kiều Thị Dương	GV							1												40	Đi học không TT
196	Bùi Văn Năng	GV	5							1											165	Đi học TT
197	Bê Minh Châu	GVC	4				1			1								1			250	
198	Trần Ngọc Hải	GV	3								2							1	1		265	Đi học không TT
199	Phạm Thanh Hà	GV	2					1					2					1			185	Đi học không TT
200	Phạm Thành Trang	GV	4		1					1			1								205	
201	Phùng Thị Tuyên	GV	3							1			2								145	Đi học không TT
202	Vương Duy Hưng	GV								1			2								55	
203	Hoàng Văn Sâm	GV	3		1													1	1		175	
204	Phan Đức Lê	KSHDTH					1											1			45	
205	Phan Văn Dũng	KSHDTH											2								40	
206	Nguyễn Hữu Cường	KSHDTH								1			2								55	
207	Phan Văn Dũng	KSHDTH								1											15	
208	Vũ Thị Huyền	KSHDTH								1											15	
209	Bùi Mai Hương	KSHDTH		1						1								1			70	
210	Bùi Đình Đức	KSHDTH								1											15	Đi học không TT
211	Nguyễn Thị Tú Anh	KSHDTH		1			1														55	
212	Nguyễn Thị Tuyết Mai	KSHDTH	2															1			75	
213	Nguyễn Thị Ngọc Bích	KS					1														50	
214	Phạm Minh Đức	CVC																	1		20	
215	Lê Văn Tung	KSHDTH								1	1		2								105	Đi học không TT
216	Bùi Đình Toàn	KSHDTH						2	1				1								100	
217	Lại Hợp Phương	KSHDTH		1						1			1								75	
218	Lê Ngọc Phước	KS		1			1			1											105	Đi học không TT
219	Phạm Quý Lượng	KS		1				2													70	Đi học không TT
220	Đỗ Ngọc Anh	KSHDTH		1																	40	
221	Hoàng Xuân Y	GV,KG								1		1									65	
222	Vũ Duy Đông	GV,KG		1																	40	
223	Trần Quang Bảo	GV,KG	1				1	1													170	
224	Nguyễn Quang Giáp	KS									1		1								70	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)			
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24			
225	Vương Văn Quỳnh	PGS,GVC,KG								1	1		2	1								255			
226	Vũ Thị Thuần	KSHDTH						2														100			
227	Trần Thị Trang	KS					1			1			2									70			
228	Lã Nguyên Khang	KS								1			1									35			
229	Nguyễn Minh Thanh	KS											2									40			
230	Lê Sỹ Doanh	KS					1			1			1									50			
231	Phan Đức Linh	KS							1	1												55			
232	Nguyễn Việt Hưng	KS								1												15			
233	Lê Thanh Sơn	KS								2												30			
234	Nguyễn Văn Phong	KS							1	1												55			
235	Hoàng Vũ Thơ	KSHDTH																	5			100	Đi học không TT		
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>156</b>	<b>139</b>	<b>6</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>23</b>	<b>9</b>	<b>75</b>	<b>19</b>	<b>10</b>	<b>71</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>18</b>	<b>41</b>	<b>3</b>	<b>20,605</b>	

### Ghi chú

- Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động khoa học nghiên cứu khoa học; bài báo trên thông tin khoa học của Trường (cấp Trường), tạp chí trong nước, tạp chí nước ngoài.
- Chủ trì đề tài, Thư ký, Chủ trì đề tài nhánh đối với đề tài cấp Nhà nước; Chủ trì đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở, cấp Trường được tính theo từng đối tượng (GS, GVCC: 130 giờ; PGS, GVC: 100 giờ; GV: 70 giờ; GVGDQP: 90 giờ; GVGDTC: 70 giờ; KS, KS HDTH: 50 giờ; Trợ giảng: 50 giờ; Thử việc: 30 giờ.).
- Về chế độ miễn giảm:
  - Giảng viên kiêm giảng được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học theo định mức.
  - Cán bộ được cử đi học dài hạn hay đi học tập trung (1 năm trở lên, có quyết định của Hiệu trưởng) được miễn 100% số giờ hoạt động khoa học; cán bộ là nghiên cứu sinh, học viên cao học không tập trung và cán bộ tham gia các lớp học ngắn hạn (từ 6 tháng đến 1 năm, có quyết định của Hiệu trưởng trường ĐHLN) được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học.
  - Cán bộ nghỉ thai sản và có con nhỏ dưới 24 tháng được miễn giảm 20 giờ KHCN.